

Số: 111/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **LTT**, sinh năm 1979; CCCD: 001079030105; nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường V, thành phố H.

- *Bị đơn*: Chị **CTH**, sinh năm 1977; CCCD số: 001177035417; nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường V, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **LTT**, sinh năm 1979 và chị **CTH**, sinh năm 1977.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh **LTT** và chị **CTH**, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Th và chị H cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu LMP, sinh ngày 29/10/2006 và cháu LYN, sinh ngày 24/8/2010.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu LYN cho chị H là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của anh Th tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Nhi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với cháu LMP đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh Th và chị H không có yêu cầu đề nghị gì nên Tòa án không xét.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung: Anh Th và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh Th và chị H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0000921 ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự thành phố H;
- UBND P. V, thành phố H (GCNKH số 14 ngày 24/02/2006)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc